

Bản án số: 185/2017/DS-ST

Ngày: 11-9-2017

“V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Kim Hoa

Bà Trương Thị Kim Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Thị Tùng Khương là thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Còn – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 455/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2017/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1956; (có mặt)

Địa chỉ: khu vực 1, thị trấn N, huyện H, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nhâm Văn L, sinh năm 1964; (có mặt)

Địa chỉ: khu vực 1, thị trấn N, huyện H, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lai Thị H, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Địa chỉ: khu vực 1, thị trấn N, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

- Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1982; (có mặt)

Địa chỉ: khu vực 1, thị trấn N, huyện H, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/7/2017, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Trần Văn L trình bày: Vào ngày 20/3/2016, vợ của ông là bà Nguyễn Thị H (đã mất ngày 16/5/2017) có cho ông Nhâm Văn L mượn số tiền là 80.000.000 đồng. Khi cho mượn tiền có lập giấy tay, ông Nhâm Văn L và bà Lai Thị H có tên thường gọi là Lai Ngọc H1 là vợ của ông L đồng ý ký tên. Vài ngày sau, bà H tiếp tục đến gặp bà H để mượn số tiền 10.000.000 đồng, nhưng do lúc đó bà Nguyễn Thị H bị bệnh đột ngột nên chưa kịp làm giấy mượn nợ đối với số tiền 10.000.000 đồng.

Trong thời gian bà Nguyễn Thị H bị bệnh nặng, bà có nhờ bà Trần Thị Kim N là con gái ruột của ông và bà H nhiều lần lại gặp ông L, bà H để lấy lại tiền, ông L, bà H hẹn hết lần này đến lần khác nhưng không trả tiền nợ vay cho đến khi bà H qua đời. Nay ông Trần Văn L là chồng bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nhâm Văn L phải có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 90.000.000 đồng. Ngoài ra, ông không yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ vay này. Hiện tại, cha mẹ của bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Phúc S và bà Lê Thị R đều đã chết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nhâm Văn L trình bày: Ông thừa nhận ông và vợ là bà Lai Thị H còn có tên gọi là Lai Ngọc H1 có mượn của bà Nguyễn Thị H (vợ ông Trần Văn L, đã mất năm 2017) số tiền 80.000.000 đồng có làm biên nhận vào ngày 20/3/2016. Sau đó, vợ của ông cũng có mượn thêm của bà Nguyễn Thị H là 10.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận. Nay ông L khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông bà trả số tiền nợ vay 90.000.000 đồng thì vợ chồng ông cũng đồng ý trả nợ, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên vợ chồng ông xin được trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết số nợ nêu trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 19/8/2017, bà Lai Thị H có ý kiến như sau: Bà còn có tên gọi thường ngày là Lai Ngọc H1. Bà là vợ của ông Nhâm Văn L, bà thừa nhận có mượn của bà Nguyễn Thị H là vợ của ông Trần Văn L số tiền là 80.000.000 đồng, việc vay mượn tiền có lập thành văn bản vào ngày 20/3/2016. Vài ngày sau, bà có mượn thêm 10.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận. Bà mượn tiền của bà Nguyễn Thị H để xoay sở cuộc sống trong gia đình của bà. Hiện tại, bà H đã chết. Nay ông Trần Văn L là chồng bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả lại số tiền 90.000.000 đồng thì bà cũng đồng ý trả số tiền nợ vay nêu trên. Bà cũng thống nhất với ý kiến của chồng bà là mỗi tháng bà và ông Nhâm Văn L sẽ trả cho ông Trần Văn L 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Bà Trần Thị Kim N có ý kiến trình bày: Khi mẹ bà là bà Nguyễn Thị H còn sống có cho vợ chồng ông Nhâm Văn L, bà Lai Thị H mượn số tiền 80.000.000 đồng vào năm 2016. Tại bản tự KH ngày 05/8/2017, bà có xin từ chối tham gia tố tụng. Tại phiên tòa hôm nay, bà đề nghị Tòa án cho bà được tiếp tục tham gia tố tụng trong vụ án này và đối với số nợ của ông Nhâm Văn L, bà Lai Thị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Tại phiên tòa, bà Lai Thị H vắng mặt. Nguyên đơn ông Trần Văn L và bị đơn ông Nhâm Văn L vẫn không thỏa thuận được nội dung giải quyết của vụ án và vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Tại phiên tòa, bà N đề được tiếp tục tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà N được tiếp tục tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào hồ sơ và các chứng cứ do các đương sự cung cấp lời trình bày của ông Trần Văn L và sự thừa nhận của ông Nhâm Văn L, bà Lai Thị H thì có đủ cơ sở khẳng định ông L và bà H có nợ của bà Nguyễn Thị H số tiền vay là 90.000.000 đồng. Ông Nhâm Văn L và bà Lai Thị H đều đồng ý trả nợ vay và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng ông Trần Văn L không đồng ý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L; Buộc vợ chồng ông Nhâm Văn L, bà Lai Thị H có trách nhiệm liên đới trả lại cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị H là ông Trần Văn L, bà Trần Thị Kim N số tiền vay còn nợ là 90.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Văn L khởi kiện yêu cầu ông Nhâm Văn L trả số tiền nợ vay là 90.000.000 đồng. Bị đơn là ông Nhâm Văn L đang cư trú tại thị trấn N, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện, ông Trần Văn L chỉ khởi kiện yêu cầu ông Nhâm Văn L trả nợ vay, nên Tòa án chỉ xác định ông Nhâm Văn L là bị đơn trong vụ án này.

[3] Tại bản tự khai ngày 05/8/2017, bà Trần Thị Kim N có ý kiến xin từ chối tham gia tố tụng, nhưng tại phiên tòa, bà đề nghị được tiếp tục tham gia vụ án, nên Hội đồng xét xử tiếp tục cho bà N được tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Bà Lai Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lai Thị H.

[5] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ theo lời trình bày của ông Trần Văn L được ông Nhâm Văn L và bà Lai Thị H thừa nhận thì xác định ông Nhâm Văn L và bà Lai Thị H có nợ số tiền vay của bà Nguyễn Thị H (vợ của ông Trần Văn L) 90.000.000 đồng, trong đó 80.000.000 đồng là có làm biên nhận và 10.000.000 đồng không có làm biên nhận là có thật. Vì vậy, đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn L, Hội đồng xét xử thấy rằng: ông Trần Văn L khởi kiện yêu cầu ông Nhâm Văn L trả số tiền nợ vay là 90.000.000 đồng. Căn cứ giấy vay tiền ngày 20/3/2016 và lời thừa nhận của ông Nhâm Văn L và bà Lai Thị H xác định có vay số tiền 90.000.000đ. Bà H xác định việc vay mượn tiền là để xoay sở cuộc sống gia đình và đồng ý cùng ông Nhâm Văn L trả nợ cho ông Trần Văn L, nhưng ông Nhâm Văn L và bà Lai Thị H xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng yêu cầu này của ông Nhâm Văn L, bà Lai Thị H không được ông Trần Văn L đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy pháp luật không quy định việc trả dần, nên không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của ông Nhâm Văn L, bà Lai Thị H là phù hợp với quy định tại các Điều 305, 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn L là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ; Buộc vợ chồng Nhâm Văn L, bà Lai Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị H là ông Trần Văn L, bà Trần Thị Kim N số tiền nợ vay là 90.000.000 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án buộc ông Nhâm Văn L, bà Lai Thị H phải chịu 4.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước. Ông Trần Văn L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do ông Trần Văn L là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm tạm ứng án phí và thuộc đối tượng được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 12 của Nghị quyết số Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên không hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông Trần Văn L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Văn L.

Buộc ông Nhâm Văn L, bà Lai Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị H là ông Trần Văn L, bà Trần Thị Kim N số tiền nợ vay là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi bên phải thi hành án thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Nhâm Văn L, bà Lai Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) nộp N sách nhà nước.

3. Án xử sơ thẩm công khai, ông Trần Văn L, ông Nhâm Văn L và bà Trần Thị Kim N có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lai Thị H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương